

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Kỳ	Ủy viên
Ông Lương Văn Lý	Ủy viên
Bà Hồ Mỹ Hòa	Ủy viên
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Quốc Hùng	Trưởng ban
Ông Vũ Thái Hà	Thành viên
Ông Lê Thị Anh Đào	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Đặng Duy Hợp

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chíp Sáng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

## Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Tại ngày 31/12/2020, Công ty là Công ty đại chúng nhưng vẫn chưa đăng ký Upcom theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021*

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Giám đốc**

**Trần Trung Hiếu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thái**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.420.373.919</b>	<b>4.881.171.130</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>564.516.159</b>	<b>1.410.661.482</b>
111	1. Tiền		264.516.159	236.073.273
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000	1.174.588.209
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>7.946.275.328</b>	<b>620.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.946.275.328	620.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.661.334.502</b>	<b>2.546.845.306</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	3.457.314.227	2.873.197.746
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		63.597.990	42.775.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.695.551.344	3.925.917.329
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.315.129.059)	(6.055.044.859)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>21.020.322</b>	<b>21.020.322</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.198.402.663	1.198.402.663
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.177.382.341)	(1.177.382.341)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>227.227.608</b>	<b>282.644.020</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.988.494	35.594.926
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		140.932.020	169.742.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	77.307.094	77.307.094
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>46.940.644.856</b>	<b>47.635.012.728</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>922.187.970</b>	<b>917.687.970</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	922.187.970	917.687.970
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>912.203.992</b>	<b>997.060.168</b>
222	- Nguyên giá		709.460.084	709.460.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(709.460.084)	(709.460.084)
227	1. Tài sản cố định vô hình	11	912.203.992	997.060.168
228	- Nguyên giá		1.669.867.451	1.669.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(757.663.459)	(672.807.283)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>20.946.506</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	20.946.506
	- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	20.946.506
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>45.046.964.767</b>	<b>45.435.157.607</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		55.798.964.767	54.087.157.607
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.100.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>59.288.127</b>	<b>264.160.477</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	59.288.127	264.160.477
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>57.361.018.775</b>	<b>52.516.183.858</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

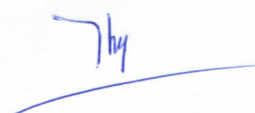
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.409.037.361</b>	<b>3.462.129.999</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.746.268.037</b>	<b>1.888.355.675</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	502.965.697	566.292.011
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	63.995.694	81.669.721
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	417.418.794	365.355.759
314	4. Phải trả người lao động		99.887.200	166.009.966
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	103.806.490	86.603.800
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	33.048.374	58.283.600
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	497.649.748	536.644.778
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.496.040	27.496.040
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.662.769.324</b>	<b>1.573.774.324</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.662.769.324	1.573.774.324
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>53.951.981.414</b>	<b>49.054.053.859</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>53.951.981.414</b>	<b>49.054.053.859</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(15.588.465.629)	(20.505.416.734)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(20.505.416.734)	(18.545.752.212)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.916.951.105	(1.959.664.522)
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(422.577.060)	(403.553.510)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>57.361.018.775</b>	<b>52.516.183.858</b>

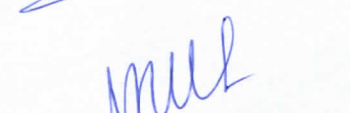
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng



Vũ Việt Hương

Giám đốc



Đặng Duy Hợp



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	8.850.187.501	5.758.247.527
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.850.187.501	5.758.247.527
11	4. Giá vốn hàng bán	21	6.518.927.150	5.172.487.156
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.331.260.351	585.760.371
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.492.260.945	4.015.310.092
22	7. Chi phí tài chính		330.806	374.834
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.711.807.160	2.499.945.186
25	9. Chi phí bán hàng		671.000	8.636.360
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.514.924.681	1.083.760.533
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.019.401.969	6.008.243.922
31	12. Thu nhập khác		29.189.508	110.603
32	13. Chi phí khác	24	150.663.922	3.705.366.744
40	14. Lợi nhuận khác		(121.474.414)	(3.705.256.141)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.897.927.555	2.302.987.781
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25	-	5.087.024.824
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.897.927.555	(2.784.037.043)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.916.951.105	(1.959.664.522)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(19.023.550)	(824.372.521)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	612	(244)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng



Vũ Việt Hương



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.897.927.555	2.302.987.781
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		84.856.176	94.273.459
03	Các khoản dự phòng		260.084.200	156.291.276
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.204.068.105)	(6.515.251.015)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.038.799.826	(3.961.698.499)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(583.844.408)	270.878.670
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		20.946.506	234.310.006
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(53.092.638)	611.260.447
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		231.478.782	(165.545.518)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		654.288.068	(3.010.794.894)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	3.570.309.848
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.326.275.328)	(2.485.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.100.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.725.841.937	2.175.442.406
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.500.433.391)	3.260.752.254
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(846.145.323)	249.957.360
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.410.661.482	1.160.704.122
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	564.516.159	1.410.661.482

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng



Vũ Việt Hương

Giám đốc



Đặng Duy Hợp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 03 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 03 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, đại lý dịch vụ viễn thông.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

#### Cấu trúc tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng

Công ty có 01 công ty liên kết không được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tại thời điểm 31/12/2020, lỗ lũy kế của Công ty là 15,6 tỷ đồng (chiếm 19,4% Vốn góp của chủ sở hữu), nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 708.532.507 đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty vẫn đang được lập và trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021, theo đó các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản năm 2021 như: doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản, ... đều được Công ty xây dựng cao hơn so với năm 2020.
- Các khoản nợ phải trả được Công ty tăng cường quản lý chặt chẽ hơn, đảm bảo duy trì hệ số nợ trong khả năng có thể kiểm soát được.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

## **2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                         |             |
|-------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị     | 05 - 10 năm |
| - Phần mềm máy tính     | 03 năm      |
| - Chuyển giao công nghệ | 05 năm      |

## **2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## **2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.15 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### **2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu từ cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.



## 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## 2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	20.017.506	51.484.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.498.653	184.588.408
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	300.000.000	1.174.588.209
	<b>564.516.159</b>	<b>1.410.661.482</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 300.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương - Chi nhánh Tân Định với lãi suất 2,9%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>7.946.275.328</b>	-	<b>620.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	7.946.275.328	-	620.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	-	-	<b>2.100.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.100.000.000	-
	<b>7.946.275.328</b>	-	<b>2.720.000.000</b>	-

(\*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, số tiền 6.725.000.000 đồng, lãi suất từ 5,8% đến 7,8%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, số tiền 1.221.275.328 đồng, lãi suất từ 4,7% đến 4,9%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam <sup>(*)</sup>	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
	<b>10.752.000.000</b>	<b>(10.752.000.000)</b>	<b>10.752.000.000</b>	<b>(10.752.000.000)</b>

31/12/2020

01/01/2020

Giá gốc      Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu      Giá gốc      Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sacom- Chip Sáng	42.000.000.000	45.046.964.767	42.000.000.000	43.335.157.607
	<b>42.000.000.000</b>	<b>45.046.964.767</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>43.335.157.607</b>

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam <sup>(*)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital
- Công ty TNHH Sacom- Chip Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản, cho thuê văn phòng

<sup>(\*)</sup> Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đã ngưng hoạt động, do đó khoản đầu tư này được xem như một tài sản tài chính thông thường và được ghi nhận theo giá trị hợp lý (giá gốc) tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
- Công ty Cổ phần Iliat Toàn Cầu	486.899.495	-	172.916.958	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	655.286.481	(327.498.522)	385.152.537	(189.374.964)
	<b>3.457.314.227</b>	<b>(2.642.626.773)</b>	<b>2.873.197.746</b>	<b>(2.504.503.215)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>2.315.128.251</b>	<b>(2.315.128.251)</b>	<b>2.315.128.251</b>	<b>(2.315.128.251)</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	<b>1.760.000.000</b>	<b>(1.760.000.000)</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>(1.760.000.000)</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>(1.760.000.000)</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>(1.760.000.000)</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	600.000.000	-	1.837.500.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.816.398	-	13.897.390	-
- Phải thu người lao động	852.426.332	(744.112.953)	855.861.325	(635.360.311)
- Phải thu tạm ứng	1.600.000	(500.000)	1.600.000	(500.000)
- Ký cược, ký quỹ	2.750.000	-	1.750.000	-
- Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
- Phải thu khác	941.385.281	(888.316.000)	935.735.281	(875.108.000)
	<b>2.695.551.344</b>	<b>(1.912.502.286)</b>	<b>3.925.917.329</b>	<b>(1.790.541.644)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	922.187.970	-	917.687.970	-
	<b>922.187.970</b>	<b>-</b>	<b>917.687.970</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>1.461.900.000</b>	<b>(861.900.000)</b>	<b>2.699.400.000</b>	<b>(861.900.000)</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.435.017.764	119.888.705	6.427.106.035	372.061.176
+ Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
+ Tiền thuế nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners JSC	279.573.333	-	279.573.333	-
+ Đối tượng khác	1.218.416.180	119.888.705	1.210.504.451	372.061.176
	<b>6.435.017.764</b>	<b>119.888.705</b>	<b>6.427.106.035</b>	<b>372.061.176</b>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	934.091	-	934.091	-
Hàng hoá	1.177.382.341	(1.177.382.341)	1.177.382.341	(1.177.382.341)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	-	20.086.231	-
	<b>1.198.402.663</b>	<b>(1.177.382.341)</b>	<b>1.198.402.663</b>	<b>(1.177.382.341)</b>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 709.460.084 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chuyển giao công nghệ	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.612.267.451	57.600.000	1.669.867.451
Số dư cuối năm	<b>1.612.267.451</b>	<b>57.600.000</b>	<b>1.669.867.451</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	615.207.283	57.600.000	672.807.283
Khấu hao trong năm	84.856.176	-	84.856.176
Số dư cuối năm	<b>700.063.459</b>	<b>57.600.000</b>	<b>757.663.459</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	997.060.168	-	997.060.168
Tại ngày cuối năm	<b>912.203.992</b>	<b>-</b>	<b>912.203.992</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.600.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.588.494	35.594.926
- Các chi phí khác	1.400.000	-
	<b>8.988.494</b>	<b>35.594.926</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.982.176	29.893.580
- Chi phí sửa chữa	47.305.951	234.266.897
	<b>59.288.127</b>	<b>264.160.477</b>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
- Phải trả các đối tượng khác	77.248.290	77.248.290	140.574.604	140.574.604
	<b>502.965.697</b>	<b>502.965.697</b>	<b>566.292.011</b>	<b>566.292.011</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	<b>425.717.407</b>	<b>425.717.407</b>	<b>425.717.407</b>	<b>425.717.407</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>8.078.400</b>	<b>8.078.400</b>	<b>8.078.400</b>	<b>8.078.400</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30.)

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nợ đầu năm	Số phải nợ trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nợ cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	182.873.526	126.588.444	-	56.285.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	-	77.307.094	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	14.977.953	3.574.758	7.796.805	-	10.755.906
- Các loại thuế khác	-	350.377.806	7.500.000	7.500.000	-	350.377.806
	<b>77.307.094</b>	<b>365.355.759</b>	<b>193.948.284</b>	<b>141.885.249</b>	<b>77.307.094</b>	<b>417.418.794</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	44.463.262	45.849.320
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	18.858.067	8.100.000
- Chi phí phải trả khác	40.485.161	32.654.480
	<b>103.806.490</b>	<b>86.603.800</b>

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	19.989.000	30.420.524
- Bảo hiểm xã hội	4.784.956	4.144.956
- Bảo hiểm y tế	6.349.365	6.349.365
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.066.274	4.066.274
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	123.844.700	146.010.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Phải trả ngắn hạn khác	55.800.353	62.837.859
	<b>497.649.748</b>	<b>536.644.778</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.662.769.324	1.573.774.324
	<b>1.662.769.324</b>	<b>1.573.774.324</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	<b>282.815.100</b>	<b>282.815.100</b>

**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	33.048.374	58.283.600
	<b>33.048.374</b>	<b>58.283.600</b>



**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(18.545.752.212)	420.819.011	51.838.090.902								
Lỗ trong năm trước						(2.753.344.506)	(30.692.537)	(2.784.037.043)								
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(21.299.096.718)	390.126.474	49.054.053.859								
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(21.299.096.718)	390.126.474	49.054.053.859								
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4.916.951.105	(19.023.550)	4.897.927.555								
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(16.382.145.613)	371.102.924	53.951.981.414								

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	12,31	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000
- Các cổ đông khác	73,82	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000
- Cổ phiếu quỹ	13,88	11.140.610.000	13,88	11.140.610.000
	<b>100</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>100</b>	<b>80.290.800.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Số dư cuối năm	<b>282.815.100</b>	<b>282.815.100</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.114.061	1.114.061
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.915.019	6.915.019

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	<b>438.834.103</b>	<b>438.834.103</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op (xem thông tin tại mục b thuyết minh này) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	8.323.198.218	8.763.280.220
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	8.476.629.583

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng số 03/HĐ-SCID/2018 ngày 18/12/2018. Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	5.068.252.512	5.506.127.820
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	5.068.252.512

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	33.955.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.812.197.501	5.265.501.112
Doanh thu thi công đèn Led	37.990.000	458.790.960
	<b>8.850.187.501</b>	<b>5.758.247.527</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	14.190.037
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.497.980.644	4.879.008.928
Giá vốn dịch vụ thi công đèn Led	20.946.506	310.206.909
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(30.918.718)
	<b>6.518.927.150</b>	<b>5.172.487.156</b>

**Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan**

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
	<b>18.150.000</b>	<b>23.370.960</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	392.260.945	77.805.829
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.100.000.000	3.937.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	4.263.173
	<b>2.492.260.945</b>	<b>4.015.310.092</b>
	<b>2.100.000.000</b>	<b>3.937.500.000</b>

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan  
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30.)

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.201.822	34.547.577
Chi phí nhân công	597.666.566	379.270.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.417.283
Chi phí dự phòng	260.084.200	187.209.994
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.967.093	403.369.596
Chi phí khác bằng tiền	6.005.000	62.945.967
	<b>1.514.924.681</b>	<b>1.083.760.533</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	84.856.176	84.856.176
Chi phí bản quyền và lương của dự án Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa	-	3.570.309.848
Các khoản bị phạt	-	49.800.353
Chi phí xử lý nợ	9.007.393	-
Chi phí khác	56.800.353	400.367
	<b>150.663.922</b>	<b>3.705.366.744</b>

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	5.087.024.824
	<b>-</b>	<b>5.087.024.824</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.916.951.105	(1.959.664.522)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.916.951.105	(1.959.664.522)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.029.080	8.029.080
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>612</b>	<b>(244)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	211.796.810	43.183.937
Chi phí nhân công	597.666.566	379.270.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	94.273.459
Chi phí dự phòng	260.084.200	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.363.239.036	303.799.608
Chi phí khác bằng tiền	5.580.789.713	5.173.764.861
	<b>8.013.576.325</b>	<b>5.994.291.981</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	564.516.159	-	1.410.661.482	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.075.053.541	(4.555.129.059)	7.716.803.045	(4.295.044.859)
Các khoản cho vay	9.706.275.328	(1.760.000.000)	2.380.000.000	(1.760.000.000)
	<b>17.345.845.028</b>	<b>(6.315.129.059)</b>	<b>11.507.464.527</b>	<b>(6.055.044.859)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.663.384.769	2.676.711.113
Chi phí phải trả	103.806.490	86.603.800
	<b>2.767.191.259</b>	<b>2.763.314.913</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	564.516.159	-	-	564.516.159
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.597.736.512	922.187.970	-	2.519.924.482
Các khoản cho vay	7.946.275.328	-	-	7.946.275.328
	<b>10.108.527.999</b>	<b>922.187.970</b>	-	<b>11.030.715.969</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.410.661.482	-	-	1.410.661.482
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.504.070.216	917.687.970	-	3.421.758.186
Các khoản cho vay	2.720.000.000	-	-	2.720.000.000
	<b>6.634.731.698</b>	<b>917.687.970</b>	-	<b>7.552.419.668</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.000.615.445	1.662.769.324	-	2.663.384.769
Chi phí phải trả	103.806.490	-	-	103.806.490
	<b>1.104.421.935</b>	<b>1.662.769.324</b>	-	<b>2.767.191.259</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.102.936.789	1.573.774.324	-	2.676.711.113
Chi phí phải trả	86.603.800	-	-	86.603.800
	<b>1.189.540.589</b>	<b>1.573.774.324</b>	-	<b>2.763.314.913</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	18.150.000	23.370.960
<b>Cổ tức được chia</b>			
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	2.100.000.000	3.937.500.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>			
	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	2.315.128.251	2.315.128.251
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	1.760.000.000	1.760.000.000

**Phải thu ngắn hạn khác**

- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	861.900.000	861.900.000
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	600.000.000	1.837.500.000

**Phải trả người bán ngắn hạn**

- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Cổ đông lớn	8.078.400	8.078.400
----------------------------------	-------------	-----------	-----------

Giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Ban Giám đốc	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
- Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc	238.236.064	195.803.602

**31 . SỞ LIỆU SO SÁNH**

Sở liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay	Đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước
		VND	VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</b>			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(20.505.416.734)	(21.299.096.718)
+ <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	(1.959.664.522)	(2.753.344.506)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	(403.553.510)	390.126.474
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(1.959.664.522)	(2.753.344.506)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(824.372.521)	(30.692.537)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(244)	(398)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập



Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng



Vũ Việt Hương

Giám đốc  


Đặng Duy Hợp

